

CHÍNH PHỦ

Trung ương chịu trách nhiệm thi hành
Nghị định này./.

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
162/2004/NĐ-CP ngày 07/9/2004
ban hành Quy chế tạm giữ
người theo thủ tục hành chính.**

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành
chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này “Quy chế tạm giữ người theo thủ tục hành chính”.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Bộ trưởng các Bộ: Công an, Quốc phòng, Tài chính, Thương mại, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc

QUY CHẾ tạm giữ người theo thủ tục hành chính

*(ban hành kèm theo Nghị định số
162/2004/NĐ-CP ngày 07/9/2004
của Chính phủ).*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đối tượng, thẩm quyền, thủ tục tạm giữ người theo thủ tục hành chính; chế độ quản lý người bị tạm giữ hành chính và những quy định khác có liên quan đến việc áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

Điều 2. Tạm giữ người theo thủ tục hành chính

1. Tạm giữ người theo thủ tục hành chính là biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và bảo đảm việc xử lý đối với người có hành vi vi phạm hành chính do người có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Quy chế này quyết định.

2. Việc tạm giữ người theo thủ tục hành

chính chỉ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Cần ngăn chặn, đình chỉ ngay những hành vi gây rối trật tự công cộng hoặc gây thương tích cho người khác;

b) Cần thu thập, xác minh những tình tiết quan trọng làm căn cứ để quyết định xử lý vi phạm hành chính trong các trường hợp: người vi phạm không có giấy tờ tùy thân, không biết rõ lai lịch nhân thân; không có nơi cư trú nhất định, cần xác minh làm rõ lai lịch nhân thân và những tình tiết quan trọng liên quan đến hành vi vi phạm;

c) Người bị bắt giữ theo quyết định truy tìm của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Thời hạn tạm giữ người theo thủ tục hành chính không được quá 12 giờ. Trong trường hợp cần thiết, thời hạn tạm giữ có thể được kéo dài hơn, nhưng cũng không được quá 24 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm.

Đối với trường hợp vi phạm Quy chế biên giới hoặc vi phạm hành chính ở vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, hải đảo thì thời hạn tạm giữ có thể được kéo dài hơn, nhưng cũng không được quá 48 giờ, kể từ thời điểm bắt đầu giữ người vi phạm.

4. Khi hết thời hạn tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ phải chấm dứt ngay việc tạm giữ đối với người bị tạm giữ và phải ghi vào sổ theo dõi tạm giữ, có chữ ký xác nhận của người bị tạm giữ.

Điều 3. Nguyên tắc tạm giữ

1. Việc tạm giữ người vi phạm hành chính phải đảm bảo đúng đối tượng, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Quy chế này.

2. Trong mọi trường hợp, việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính đều phải có quyết định bằng văn bản của người có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Quy chế này và phải giao cho người bị tạm giữ một bản.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ

1. Người bị tạm giữ có quyền yêu cầu người ra quyết định tạm giữ thông báo cho gia đình, tổ chức nơi làm việc hoặc học tập biết việc mình bị tạm giữ theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

2. Người bị tạm giữ có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh quyết định tạm giữ, nội quy, quy định của nơi tạm giữ; tuân thủ mệnh lệnh của người ra quyết định tạm giữ và người được giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ nơi tạm giữ; có nghĩa vụ khai báo thành khẩn những hành vi vi phạm pháp luật của mình và của những người khác có liên quan.

Cấm đưa vào nơi tạm giữ vũ khí, điện thoại di động, văn hóa phẩm độc hại, rượu bia và các chất gây nghiện khác hoặc các vật dụng có thể gây cháy nổ, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn nơi tạm giữ.

Điều 5. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người bị tạm giữ.

2. Tạm giữ người vi phạm hành chính

trong các phòng tạm giữ, tạm giam hình sự; tạm giữ những người khác giới trong cùng một buồng; tạm giữ tại những nơi không bảo đảm vệ sinh, an toàn cho người bị tạm giữ.

Điều 6. Kinh phí bảo đảm cho việc áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính

1. Kinh phí bảo đảm cho việc áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính bao gồm các khoản chi cho việc xây dựng nơi tạm giữ; mua sắm đồ dùng, phương tiện phục vụ cho việc tạm giữ; chi cho việc ăn, uống, chữa bệnh cho người bị tạm giữ (trong trường hợp bản thân hoặc gia đình họ không tự đảm bảo được) và các khoản chi khác phục vụ việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính.

2. Kinh phí đảm bảo cho việc áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính do ngân sách nhà nước cấp. Hàng năm, các đơn vị có người có thẩm quyền tạm giữ người vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Quy chế này chịu trách nhiệm lập dự toán kinh phí bảo đảm cho việc tạm giữ người vi phạm hành chính cùng với việc lập dự toán ngân sách nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương II

THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC TẠM GIỮ NGƯỜI VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 7. Thẩm quyền tạm giữ

1. Những người sau đây có quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Trưởng Công an phường;

b) Trưởng Công an cấp huyện;

c) Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát trật tự, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát kinh tế, Trưởng phòng Cảnh sát hình sự, Trưởng phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm ma túy, Trưởng phòng Quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của Công an cấp tỉnh;

d) Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên hoạt động có tính chất độc lập; Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu;

đ) Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm, Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động;

e) Chỉ huy trưởng Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan, Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu và Hải đội trưởng Hải đội Kiểm soát trên biển thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan;

g) Đội trưởng Đội Quản lý thị trường;

h) Chỉ huy trưởng Tiểu khu Biên phòng, Chỉ huy trưởng Hải đoàn Biên phòng, Chỉ huy trưởng Hải đội Biên phòng, Trưởng Đồn Biên phòng và Thủ trưởng đơn vị Bộ đội Biên phòng đóng ở biên giới, hải đảo;

i) Hải đội trưởng, Hải đoàn trưởng Cảnh sát biển;

k) Người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi

tàu bay, tàu biển đã rời sân bay, bến cảng.

2. Trong trường hợp những người quy định tại khoản 1 Điều này vắng mặt, thì cấp phó được ủy quyền có quyền quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính. Người được ủy quyền phải tuân thủ những quy định của pháp luật về tạm giữ người theo thủ tục hành chính và phải chịu trách nhiệm về việc ra quyết định tạm giữ của mình.

Điều 8. Giao, nhận người có hành vi vi phạm hành chính

1. Việc giao, nhận người có hành vi vi phạm hành chính do tổ chức, cá nhân khác dẫn đến phải lập biên bản theo đúng quy định. Biên bản giao, nhận phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ, địa chỉ của cá nhân, tổ chức bên giao và bên nhận; họ, tên, địa chỉ, số giấy chứng minh nhân dân (hoặc giấy tờ tùy thân khác), hành vi vi phạm, tình trạng sức khỏe của người có hành vi vi phạm và tang vật, tài sản của họ (nếu có); trường hợp có người chứng kiến, người bị hại thì phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ của người đó và có chữ ký của họ. Biên bản giao nhận phải lập thành 2 bản như nhau, giao mỗi bên giữ 1 bản.

2. Ngay sau khi hành vi vi phạm hành chính bị phát hiện, ngăn chặn và đã lập biên bản về hành vi vi phạm hoặc sau khi lập biên bản giao, nhận người vi phạm hành chính do tổ chức, cá nhân khác bắt giữ và dẫn giải đến, nếu xét thấy phải tạm giữ người theo thủ tục hành chính thì người có thẩm quyền phải ra ngay quyết định tạm giữ.

3. Trong mọi trường hợp, đối với người có hành vi vi phạm hành chính do tổ chức, cá nhân dẫn giải đến, trước khi ra quyết định tạm giữ, người có thẩm quyền tạm giữ phải tiến hành lập biên bản giao, nhận người với tổ chức, cá nhân dẫn giải đến theo đúng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính

1. Quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải ghi rõ: số quyết định; ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, cấp bậc, chức vụ, cơ quan, đơn vị của người ra quyết định; căn cứ để ra quyết định tạm giữ, điều khoản văn bản pháp luật được áp dụng; họ, tên, địa chỉ, ngày, tháng, năm sinh, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, tạm trú, nghề nghiệp, nơi công tác, học tập, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của người bị tạm giữ; họ, tên bố, mẹ hoặc người giám hộ của người bị tạm giữ (nếu là người chưa thành niên); quốc tịch, số hộ chiếu hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu (nếu người bị tạm giữ là người nước ngoài); thời hạn tạm giữ; nơi tạm giữ và ký tên, đóng dấu (nếu có) của người ra quyết định tạm giữ.

Quyết định tạm giữ phải được lập thành 2 bản như nhau, giao cho người bị tạm giữ 1 bản, 1 bản lưu vào hồ sơ tạm giữ. Trong trường hợp cần kéo dài thời hạn tạm giữ thì trước khi hết hạn tạm giữ ghi trong quyết định, người có thẩm quyền tạm giữ phải ra quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ (trong đó phải ghi rõ lý do, thời hạn kéo dài), nhưng cũng không được quá thời hạn tối đa quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy chế này.

2. Trường hợp chưa hết thời hạn ghi trong quyết định tạm giữ, nhưng đã điều tra, xác minh làm rõ, có đủ cơ sở để kết luận và đã xử lý xong hành vi vi phạm, thì người ra quyết định tạm giữ phải chấm dứt ngay việc tạm giữ.

3. Khi có căn cứ cho rằng hành vi vi phạm của người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính có dấu hiệu tội phạm, thì người ra quyết định tạm giữ phải chuyển ngay hồ sơ và người bị tạm giữ, kèm theo tang vật, phương tiện vi phạm (nếu có) cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thông báo quyết định tạm giữ

1. Theo yêu cầu của người bị tạm giữ, người ra quyết định tạm giữ phải thông báo cho gia đình, tổ chức nơi làm việc hoặc học tập của họ biết. Nếu vì lý do khách quan mà không thể thông báo được thì phải báo cho người bị tạm giữ biết và phải ghi vào sổ theo dõi tạm giữ.

2. Trong trường hợp tạm giữ người chưa thành niên vi phạm hành chính vào ban đêm (từ 22 giờ đến 5 giờ sáng ngày hôm sau) hoặc tạm giữ họ trên 6 giờ, thì người ra quyết định tạm giữ phải thông báo ngay cho cha, mẹ hoặc người giám hộ của họ biết, trường hợp không xác định được cha, mẹ hoặc người giám hộ, thì phải ghi rõ lý do vào sổ theo dõi tạm giữ người vi phạm hành chính.

3. Trường hợp người bị tạm giữ là người nước ngoài thì người ra quyết định tạm giữ phải báo cáo ngay với Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền cấp trên biết để

thông báo cho Bộ Ngoại giao để Bộ Ngoại giao thông báo cho cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của nước mà người đó là công dân biết; phối hợp với Bộ Ngoại giao thu xếp cho đại diện của cơ quan đại diện ngoại giao hoặc đại diện cơ quan lãnh sự của nước đó thăm lãnh sự nếu có yêu cầu và phối hợp xử lý các vấn đề đối ngoại khác có liên quan.

Điều 11. Nơi tạm giữ

1. Nơi tạm giữ người theo thủ tục hành chính là nhà hoặc phòng, buồng tạm giữ hành chính được bố trí tại trụ sở hoặc nơi làm việc của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ người vi phạm hành chính.

Nhà hoặc phòng, buồng tạm giữ hành chính phải có khóa cửa, bảo đảm ánh sáng, kín đáo, thoáng mát, vệ sinh và an toàn về phòng cháy, chữa cháy, thuận tiện cho việc trông coi, bảo vệ. Người bị tạm giữ qua đêm phải được bố trí giường hoặc sàn nằm và phải có chiếu, chăn, màn; diện tích nằm tối thiểu cho mỗi người không dưới 2 m².

2. Cơ quan có chức năng phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm thường xuyên phải tạm giữ người vi phạm hành chính, phải bố trí, thiết kế, xây dựng nhà, phòng tạm giữ hành chính riêng và phải có cán bộ chuyên trách quản lý, bảo vệ.

3. Đối với máy bay, tàu biển, khi đã rời sân bay, bến cảng, tùy theo điều kiện và đối tượng vi phạm cụ thể, người chỉ huy máy bay, tàu biển quyết định nơi tạm giữ và phân công người thực hiện việc tạm giữ.

4. Hình thức, quy mô của nơi tạm giữ người vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải căn cứ vào tính chất, đặc điểm, yêu cầu thực tế của việc tạm giữ người vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực, địa bàn cụ thể để bố trí, thiết kế, xây dựng cho phù hợp.

5. Bộ trưởng các Bộ: Công an, Quốc phòng, Tài chính, Thương mại, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào yêu cầu và tình hình thực tế công tác phòng, chống vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực, địa bàn do mình phụ trách, hướng dẫn cụ thể việc tổ chức, bố trí nơi tạm giữ và chỉ đạo thiết kế, xây dựng nơi tạm giữ hành chính theo quy định của Quy chế này.

Chương III

QUẢN LÝ NGƯỜI BỊ TẠM GIỮ

Điều 12. Tiếp nhận người bị tạm giữ

1. Khi tiếp nhận người có quyết định tạm giữ, người có trách nhiệm quản lý người bị tạm giữ phải đối chiếu quyết định tạm giữ với người bị tạm giữ, kiểm tra tư trang, đồ vật của người bị tạm giữ được phép mang theo; vào sổ theo dõi tạm giữ theo quy định; phổ biến quyền và nghĩa vụ của người bị tạm giữ, nội quy nơi tạm giữ và những quy định khác có liên quan để họ chấp hành.

2. Trường hợp người bị tạm giữ không tự giác chấp hành các quy định về tạm giữ thì áp dụng các biện pháp cưỡng chế

cần thiết theo quy định của pháp luật để buộc họ phải chấp hành.

Điều 13. Quản lý người bị tạm giữ

Người được giao nhiệm vụ quản lý người bị tạm giữ, bảo vệ nơi tạm giữ có trách nhiệm:

1. Thường xuyên giám sát, bảo vệ, trông coi người bị tạm giữ, nếu thấy người bị tạm giữ có biểu hiện về tâm lý, sức khỏe, hành vi không bình thường, cũng như phát hiện những tình tiết có liên quan đến vụ việc vi phạm hoặc những vi phạm của người khác, thì phải có trách nhiệm báo cáo với người ra quyết định tạm giữ để có biện pháp xử lý kịp thời.

Trường hợp phát hiện người bị tạm giữ có cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm thì phải tiến hành ngay việc lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đó. Nếu người bị tạm giữ có thương tích hoặc tình trạng sức khỏe không bình thường thì phải lập biên bản về tình trạng sức khỏe của người bị tạm giữ, đồng thời, phải báo cáo ngay với người ra quyết định tạm giữ biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

2. Tư trang, tài sản của người bị tạm giữ phải được ký gửi tại nơi tạm giữ. Việc giao, nhận tư trang, tài sản ký gửi phải được ghi đầy đủ, cụ thể vào sổ theo dõi tạm giữ và phải có chữ ký của người bị tạm giữ. Trường hợp tài sản ký gửi có số lượng nhiều hoặc có giá trị lớn thì phải lập biên bản giao nhận riêng, trong đó phải ghi đầy đủ, cụ thể số lượng, chủng loại, hình thức và tình trạng đồ vật, cũng như những vấn đề khác có liên

quan. Biên bản phải được lập thành 2 bản như nhau, phải có chữ ký của người bị tạm giữ và người nhận giữ tài sản và giao cho người bị tạm giữ 1 bản. Khi hết thời hạn tạm giữ hoặc chuyển đi nơi khác, người bị tạm giữ được nhận lại đầy đủ tài sản đã ký gửi. Nếu người nhận giữ tài sản làm mất mát, hư hỏng phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Kinh phí, chế độ ăn uống của người bị tạm giữ

1. Mọi chi phí cho việc ăn uống, sinh hoạt của người bị tạm giữ do bản thân hoặc gia đình họ chịu trách nhiệm.

2. Trong trường hợp người bị tạm giữ hoặc gia đình họ không thể tự đảm bảo, thì nơi tạm giữ có trách nhiệm đảm bảo việc ăn uống của họ theo tiêu chuẩn định lượng ăn mỗi người/01 ngày là: 0,6 kg gạo tẻ thường, 0,1 kg thịt lợn loại thường và các loại thực phẩm khác, nhưng tổng mức chi không quá 7.000 đồng/1 người/1 ngày.

Trường hợp bị tạm giữ trong các ngày Tết nguyên đán thì người bị tạm giữ được ăn thêm nhưng không được quá 5 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường; bị tạm giữ trong ngày lễ hoặc ngày Tết dương lịch, thì người bị tạm giữ được ăn thêm, nhưng không được quá 3 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

3. Cơ quan, đơn vị có chức năng tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải có sổ sách để theo dõi chặt chẽ và thanh quyết toán chế độ ăn uống của người bị tạm giữ theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trường hợp người bị tạm giữ

bị bệnh hoặc chết trong thời gian bị tạm giữ

1. Người đang bị tạm giữ mà bị bệnh, được điều trị tại chỗ; trường hợp bệnh nặng hoặc phải cấp cứu thì cơ quan, đơn vị nơi tạm giữ có trách nhiệm đưa họ đến các cơ sở y tế và báo ngay cho gia đình, thân nhân của họ biết để đến chăm sóc; trường hợp thân nhân, gia đình của họ có đơn đề nghị xin đưa về nhà để chăm sóc và xét thấy không thật cần thiết phải tiếp tục tạm giữ thì người có thẩm quyền tạm giữ có thể quyết định chấm dứt việc tạm giữ trước thời hạn và cho họ về gia đình để chữa bệnh; trường hợp người bị tạm giữ không có nơi cư trú nhất định hoặc gia đình, thân nhân của họ ở xa không kịp đến để chăm sóc, thì cơ quan, đơn vị nơi tạm giữ họ trực tiếp đảm nhiệm việc chăm sóc.

Kinh phí bảo đảm cho việc chăm sóc điều trị người bệnh trong thời gian họ bị tạm giữ do bản thân hoặc gia đình họ chịu trách nhiệm; trường hợp người bị tạm giữ hoặc gia đình họ không thể tự đảm bảo thì do ngân sách nhà nước đảm nhiệm và được lấy từ kinh phí của cơ quan, đơn vị nơi tạm giữ sau đó quyết toán theo chế độ tài chính hiện hành.

2. Trường hợp người bị tạm giữ chết trong thời gian bị tạm giữ, thì người ra quyết định tạm giữ phải báo ngay cho cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời, thông báo cho thân nhân của người chết biết.

Trường hợp người chết là người nước ngoài thì người ra quyết định tạm giữ

phải báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền cấp trên biết để thông báo ngay cho Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền phối hợp với cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự của nước mà người chết có quốc tịch để phối hợp giải quyết.

3. Gia đình người chết có trách nhiệm mai táng người bị chết. Trường hợp người chết không có gia đình, thân nhân thì việc mai táng do cơ quan, đơn vị nơi tạm giữ phối hợp với chính quyền địa phương nơi tạm giữ giải quyết mai táng; kinh phí mai táng trong trường hợp này do ngân sách nhà nước đảm nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Hồ sơ về công tác tạm giữ

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tạm giữ người vi phạm hành chính phải có hồ sơ, sổ sách theo dõi việc quản lý người vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Mọi vấn đề có liên quan đến việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính phải được ghi đầy đủ vào hồ sơ theo dõi việc tạm giữ người vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Chương IV

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO; GIÁM SÁT, KIỂM TRA; KHỞI KIỆN HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP TẠM GIỮ NGƯỜI THEO THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 17. Khiếu nại, tố cáo

1. Người bị áp dụng biện pháp tạm giữ

theo thủ tục hành chính hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại, tố cáo về việc ra quyết định tạm giữ người vi phạm hành chính trái pháp luật và việc áp dụng biện pháp này.

2. Mọi công dân có quyền tố cáo hành vi trái pháp luật trong việc ra quyết định tạm giữ người theo thủ tục hành chính và việc thực hiện biện pháp này.

3. Thẩm quyền, thủ tục, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 18. Giám sát, kiểm tra

1. Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm giám sát, xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân cùng cấp; yêu cầu người có thẩm quyền xem xét, giải quyết và kịp thời áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, chấm dứt ngay việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính trái pháp luật trong phạm vi địa phương.

2. Bộ trưởng các Bộ: Công an, Quốc phòng, Tài chính, Thương mại, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình.

Điều 19. Khởi kiện hành chính

Việc khởi kiện đối với quyết định áp dụng biện pháp tạm giữ người theo thủ tục hành chính và những vấn đề có liên quan đến việc áp dụng biện pháp này được thực hiện theo quy định của pháp

luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Khen thưởng

Cơ quan, đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tạm giữ người theo thủ tục hành chính, được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

Điều 21. Xử lý vi phạm

1. Người bị tạm giữ theo thủ tục hành chính mà có hành vi vi phạm các quy định về tạm giữ người theo thủ tục hành chính hoặc có các hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người có trách nhiệm trong việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính mà vi phạm quy định của pháp luật trong việc tạm giữ người theo thủ tục hành chính hoặc có hành vi xâm hại đến tính mạng, tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị tạm giữ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
163/2004/NĐ-CP ngày 07/9/2004
quy định chi tiết thi hành
một số điều của Pháp lệnh Vệ
sinh an toàn thực phẩm.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số
32/2001/QH10 ngày 25/12/2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực
phẩm số 12/2003/PL-UBTVQH11 ngày
26 tháng 7 năm 2003;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm về sản xuất, kinh doanh thực phẩm; trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp về vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng ngừa, khắc phục ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm và kiểm tra, thanh tra về vệ sinh an toàn thực phẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức